

Practicing Intersectionality in Sociological Research: A critical Analysis of Inclusions, Interactions in the Study of Inequalities.

Hae Yeon Choo and Myra Marx Ferree.

Sociological Theory, Volume 28, Issue 2, pages 129–149, June 2010

© 2010 American Sociological Association

Thực hành nghiên cứu giao thoa trong nghiên cứu xã hội học: Một phân tích phê bình về những yếu tố bao hàm, tương tác và các thể chế trong nghiên cứu về những bất bình đẳng*

Hea Yeon Choo

Trường đại học Wisconsin – Madison

Myra Marx Ferree

Trường đại học Wisconsin – Madison

Trong bài viết này chúng tôi đặt ra câu hỏi việc các nhà xã hội học thực hiện nghiên cứu giao thoa như một phương pháp nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu phương pháp luận về sự bất bình đẳng có ý nghĩa gì? Chúng tôi phân biệt ba cách hiểu về nghiên cứu giao thoa trong thực tế: lấy nhóm làm trung tâm, lấy quá trình làm trung tâm và lấy hệ thống làm trung tâm. Phong cách thứ nhất nhấn mạnh việc lấy các nhóm bị cách ly ra khỏi nhịp điệu phát triển xã hội và những triển vọng của họ làm trung tâm. Phong cách thứ hai, coi sự giao thoa là một quá trình, nhấn mạnh quyền lực có tính chất quan hệ, coi sự tương tác giữa các biến số là những áp lực tăng lên gấp bội ở các điểm khác nhau của nghiên cứu giao thoa, và tập trung chú ý vào những nhóm không được chú ý. Cuối cùng, coi nghiên cứu giao thoa là sự hình thành toàn bộ hệ thống xã hội đầy phân tích ra xa khỏi những sự bất bình đẳng cụ thể liên quan với các thể chế duy nhất, thay vì tìm kiếm những quá trình hoàn toàn mang tính tương tác, cùng mang tính quyết định và phức tạp. Sử dụng các ví dụ khác nhau từ nhiều nghiên cứu định lượng được đánh giá cao gần đây, chúng tôi tập trung vào các khía cạnh phức tạp, theo ngữ cảnh và mang tính so sánh của phân tích xã hội học có thể bị bỏ qua ngay cả khi chủng tộc, tầng lớp và giới tính được nhóm lại rõ ràng.

* Thư từ xin gửi về: Hae Yeon Choo, Khoa xã hội học, 8128 William H. Sewell Social Sciences Building, 1180 Observatory Drive, Madison, WI 53706-1393. Email: hychoo@ssc.wisc.edu. Chúng tôi xin cảm ơn Angela Barian, Jessica Brown, Wendy Christensen, Kristy Kelly, Chaitanya Lakkimsetti, và Susan Rottman vì những gợi ý đề xuất rất hữu ích của họ cho những phiên bản đầu tiên của bài viết này, và những thành viên tham gia NWSA 2008 Woman of Color Essay Award Panel vì sự động viên khuyến khích của họ

Sociological Theory, Volume 28, Issue 2, pages 129–149, June 2010

© 2010 American Sociological Association

Nghiên cứu về nữ quyền gần đây ngày càng đề cập nhiều hơn đến sắc tộc, tầng lớp và giới tính như những yếu tố liên quan chặt chẽ với nhau và lập luận rằng những hình thái phân tầng này cần phải được nghiên cứu trong mối quan hệ với nhau, khái niệm hóa chúng, ví dụ như dưới hình thức một “ma trận chi phối” (Collins 1990) hay “sự bất bình đẳng phức hợp” (McCall 2001). Các học giả đề cập đến yếu tố này không như một cách thức thêm để hiểu về bất bình đẳng xã hội với nhiều thuật ngữ khác nhau, bao gồm cả “giao thoa” (Crenshaw 1991), “hợp nhất” (Glenn 1999), hay như là một phương pháp nghiên cứu “sắc tộc-tầng lớp-giới tính” (Pascale 2007). Nghiên cứu về nữ quyền đã bao gồm yêu cầu phân tích giao thoa nhưng đa phần vẫn còn bỏ qua những chi tiết được coi là mơ hồ, khiến Kathy Davis (2008) gọi sự giao thoa là một “tờ thông dụng” về mặt lý thuyết nhưng với một vấn đề mang tính phân tích chưa được nhận ra. Hơn nữa, những vấn đề nữ quyền đó có mang lại kết quả thực tế cho ngành xã hội học không thì rất khó dự đoán nếu không có định nghĩa chính xác hơn về hàm ý của việc thực hiện nghiên cứu này.

Bài viết này giải quyết câu hỏi về ý nghĩa của việc thực hiện nghiên cứu giao thoa về xã hội học như một phương pháp nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu phương pháp để nghiên cứu về sự bất bình đẳng. Mặc dù nghiên cứu giao thoa có tầm quan trọng đối với các học giả nghiên cứu về nữ quyền, phương pháp này vẫn chưa trở thành mối quan tâm chính của nhiều nhà xã hội học không làm việc trực tiếp về các vấn đề giới. Phân tích của chúng tôi đưa ra hai bước riêng biệt rõ ràng, bước thứ nhất làm rõ những khác biệt về việc các học giả, những người đã nghiên cứu khái niệm giao thoa, đã áp dụng phương pháp này như thế nào và sau đó chuyển sang xem xét xem những phân tích giao thoa có thể được sử dụng rộng rãi hơn như thế nào để trình bày những hiểu biết về các vấn đề xã hội học quan trọng, như các thể chế, các mối quan hệ quyền lực, văn hóa và sự tương tác giữa các cá nhân. Chúng tôi nhấn mạnh tiềm năng chưa được sử dụng hết trong khái niệm nghiên cứu giao thoa như một qui tắc chung, và do đó trong bước thứ hai, chúng tôi lựa chọn bốn nghiên cứu theo kinh nghiệm ở các lĩnh vực bên ngoài xã hội học về giới tính, và rất phổ biến và quen thuộc trong các lĩnh vực chuyên sâu để minh họa cho cơ sở phân tích mà nghiên cứu giao thoa có thể đưa ra. Không phải tất cả các nghiên cứu theo kinh nghiệm đều được sử dụng bởi bất cứ một loại phân tích giao thoa nào; chúng tôi xem xét ba loại nghiên cứu giao thoa làm công cụ có thể rất hữu ích trong những hoàn cảnh khác nhau. Đối với những nhà xã hội học quan tâm rộng rãi tới nhiều vấn đề bất bình đẳng, việc làm rõ phong cách phân tích giao thoa cụ thể nào họ thích hơn sẽ giúp xác định được chương trình nghiên cứu lý thuyết của họ. Nhưng chúng tôi cũng hy vọng chỉ ra được về mặt nguyên tắc nói

chung, cả ba công cụ đều có thể bổ sung và đề cao những mục đích cụ thể của các nhà nghiên cứu bằng cách làm cho phân tích có hiệu quả hơn.

Bước đầu trong phân tích của chúng tôi tập trung vào các hàm ý để lựa chọn chủ đề và cách làm việc để thực hiện từ các khái niệm hóa của nghiên cứu giao thoa. Tập trung vào tính phong phú của vấn đề nữ quyền lý thuyết hóa trong nghiên cứu giao thoa (ví dụ: Hancock 2007; McCall 2005; Walby 2009), chúng tôi tổng kết và phân loại các cách thức thực hiện nghiên cứu giao thoa hiện có thành nghiên cứu lấy nhóm làm trung tâm, nghiên cứu lấy quá trình làm trung tâm và nghiên cứu lấy hệ thống làm trung tâm. Loại thứ nhất nhấn mạnh vào các nhóm bị cách ly khỏi nhịp điệu phát triển của xã hội trong nội dung nghiên cứu; hai loại còn lại tập trung vào giải thích các chiều cạnh của nghiên cứu giao thoa thông qua cách thực hiện phân tích dữ liệu.

Lập luận cơ bản hình thành từ nhiều tổng kết và phê bình gần đây nhấn mạnh bản chất không cụ thể của nghiên cứu giao thoa về nữ quyền như một phương pháp nghiên cứu lý thuyết (ví dụ, Davis 2008; Prins 2006). Với tư cách là một khái niệm mở, nó bao hàm rất nhiều ý nghĩa mà có thể ít nhiều được hoặc không được mong muốn. Một mặt, các học giả như Lombrado và cộng sự (2009), Ferree (2009), và Kantola và Nousiainen (2009) xem xét khái niệm vẫn còn mơ hồ được hình thành như thế nào khi chuyển thành việc thực hiện luật pháp và chính trị. Kantola và Nousiainen (2009) đặc biệt nhấn mạnh các cách mà những bộ luật mới, đặc biệt là ở châu Âu, thể chế hóa ý nghĩa của phương pháp giao thoa thành nhiều dạng phân biệt và vì thế khuyến khích “Olympic đàn áp” đối với các nguồn lực khan hiếm của nhà nước. Mặt khác, các nhà xã hội học như Ken (2008), Yuval-Davis (2006), và McCall (2005) và các nhà khoa học chính trị như Weldon (2008) và Hancock (2007) cố gắng làm cho khái niệm trở nên tiện lợi hơn cho các nhà nghiên cứu bằng cách chỉ ra những ý nghĩa khác nhau phản ánh những mối quan tâm khác nhau về lý thuyết như thế nào. Lập luận của họ là tính chặt chẽ về mặt lý thuyết ngày càng cao sẽ nâng cao tỷ lệ phân tích, nhưng họ chỉ đưa ra những gợi ý rất chung chung về tỷ lệ đó.

Sau khi trình bày cụ thể hơn về các thực hành phương pháp học cụ thể liên quan như thế nào đến các ý nghĩa lý thuyết khác của phương pháp nghiên cứu giao thoa, chúng tôi chuyển sang xem xét xem những thực hành phân tích giao thoa này đưa ra cái nhìn sâu sa còn thiếu thậm chí ở ngay cả những công trình nghiên cứu xã hội học rất xuất sắc như thế nào. Ở bước thứ hai này, chúng tôi lựa chọn bốn công trình nghiên cứu định tính xuất chúng liên quan đến nhiều vấn đề bất bình đẳng ở mức độ khái niệm và sử dụng chúng làm cơ sở dữ liệu cho việc xem xét ý nghĩa bao hàm về mặt lý thuyết của việc đưa vào các cách phân tích

giao thoa cụ thể. Chúng tôi sắp xếp những khảo sát về ưu và nhược điểm về mặt phương pháp học của những công trình thành ba khía cạnh xác định của phương pháp nghiên cứu giao thoa là sự bao hàm, những tương tác phân tích, và tính ưu việt về mặt thể chế. Trước tiên, chúng tôi đặt ra vấn đề “lên tiếng về sự áp bức” như biểu hiện của nghiên cứu giao thoa. Điều này trong thực tế được xác định là tập trung vào *sự bao hàm* của những kinh nghiệm của các cá nhân và nhóm bị cách ly khỏi nhịp điệu xã hội. Thứ hai, chúng tôi tập trung vào nghiên cứu giao thoa được xác định trong thực tế là *sự tương tác mang tính phân tích*: một quá trình không cộng được, một tính tương tác biến đổi của các tác động. Về mặt phương pháp học, điều này chứa đựng điều mà các nhà lý thuyết về nghiên cứu giao thoa hàm ý bằng cách vượt ra ngoài sự liệt kê và cộng thêm sắc tộc, tầng lớp, giới tính và các loại hình lệ thuộc xã hội như những yếu tố riêng biệt. Thứ ba, các định nghĩa về nghiên cứu giao thoa khác nhau ở chỗ họ muốn dành *ưu tiên về thể chế* cho một hay nhiều địa điểm để tạo ra những bất bình đẳng xã hội, hoặc như những tác động chính, hoặc như những sự tương tác. Các phương pháp tiếp cận coi nghiên cứu giao thoa như được phân cắt – với các thể chế nhất định chủ yếu được liên kết với một loại bất bình đẳng này hay loại khác, như tầng lớp với nền kinh tế và giới với gia đình – trong thực tế ứng dụng các phân tích giao thoa vào việc giải thích các áp bức “hơn mức bình thường” và những mâu thuẫn “thứ cấp” đối với các nhóm không có ưu thế.

Thông qua việc tìm kiếm đặc điểm riêng của các thực hành diễn giải qua cả bốn nghiên cứu được tôn vinh là “giao thoa”, chúng tôi cố gắng chỉ ra mỗi một trong ba ý nghĩa này được triển khai như thế nào và khi nào, và những chiều cạnh nào của một nghiên cứu giao thoa không được chú ý khi được triển khai. Mục đích của chúng tôi là phê bình những tác giả này ít hơn là sử dụng một bài viết phê bình về những lựa chọn phương pháp học của họ để bộc lộ những quan tâm về lý thuyết cơ bản của họ. Trong phần kết luận của mình, chúng tôi sẽ tập trung vào những ví dụ này để lập luận về việc sử dụng một phương pháp nghiên cứu theo ngữ cảnh và mang tính so sánh hơn để nghiên cứu bản thân sự giao thoa theo cách phức tạp về mặt thể chế lấy quá trình làm trung tâm.

NGHIÊN CỨU GIAO THOA LÝ THUYẾT

Các tổng quan về khái niệm nghiên cứu giao thoa về nữ quyền đã gia tăng theo cấp số nhân trong những năm gần đây khi các nhà lý thuyết học cố gắng nắm bắt xem “tư thông dụng” này thực chất có ý nghĩa gì đối với những người sử dụng nó

(Davis 2008). Ngoài Davis, McCall (2005), Prins (2006), và Hancock (2007) đều đưa ra những tổng quan dựa trên nghiên cứu lịch sử nhấn mạnh những nhu cầu lý thuyết khác nhau dẫn đến yêu cầu cấp thiết phải có một khái niệm nghiên cứu giao thoa trước mắt và phạm vi biến đổi vẫn còn của khái niệm đó được hiểu và ứng dụng như thế nào hiện nay. Trên cơ sở các tổng quan bao hàm rộng cần chú trọng của họ, chúng tôi xây dựng ba chiều cạnh của lý thuyết đã trở thành một phần những gì “nghiên cứu lý thuyết” thể hiện: đó là tầm quan trọng của việc đưa vào đặc điểm của những người bị cách ly khỏi nhịp điệu xã hội, đặc biệt là phụ nữ da màu; một sự dịch chuyển về mặt phân tích từ các thành tố của sự bất bình đẳng đối với sự đa dạng và từ đó sự chuyển đổi của những tác động cơ bản thành những sự tương tác; và tập trung trọng tâm vào việc xem xét các thể chế khi đặt vào vai trò đồng quyết định những bất bình đẳng để xác định cấu hình phức tạp ngay từ đầu, thay vì các quá trình tương tác “thêm” được đưa thêm vào các tác động chính. Chúng tôi chỉ ra mỗi một trong số các nghiên cứu này có thể đưa ra các kết quả thu được về kinh nghiệm nhiều hơn trước đây như thế nào: nếu các nghiên cứu đó đã nhấn mạnh vào sự bao hàm các triển vọng, không chỉ về con người, từ các bộ phận của xã hội; nếu chúng đã khiến các mối quan hệ quyền lực ở các phân nhóm không rõ ràng trở nên khó khăn phức tạp, như người da trắng và nam giới; hay nếu họ đã coi những sự bất bình đẳng là rất xác định và liên quan chặt chẽ với nhau hơn là giả định một khung thể chế trung tâm.

Những bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của nghiên cứu giao thoa như một lý thuyết là những kết nối ban đầu của ý nghĩa của lý thuyết hóa loại trừ về giới trong các nghiên cứu của phụ nữ trong đó “tất cả phụ nữ đều là người da trắng, tất cả người da đen đều là đàn ông, nhưng vài người trong chúng ta lại đồng cảm” như được diễn tả khéo léo trong tiêu đề của một phó giáo sư (Hull và cộng sự 1982). Những tuyên bố trình bày quan điểm “phụ nữ da màu” rất rõ ràng (ví dụ, Moraga và Anzaldúa 1983; Combahee River Collective 1986; hooks 1981; Ladner 1973) cùng với kết nối mang tính ảnh hưởng về quan điểm lý thuyết “suy nghĩ về nữ quyền của người da đen” của Patricia Hill Collins (1990) để nhấn mạnh các tác động không cộng được của rất nhiều hình thức đàn áp diễn ra ở các địa điểm xã hội xác định. Như Deborah King (1998) trình bày, suy nghĩ xét về khía cạnh “các nguy cơ” nghi ngờ quan điểm cho rằng “mỗi sự phân biệt chủng tộc có một tác động độc lập, trực tiếp và riêng biệt tới địa vị, nơi sự đóng góp của mỗi sự phân biệt đó luôn rõ ràng” cũng như “những khẳng định không sinh lợi mà một yếu tố có thể và nên thay thế cái khác” (1988:47).

Thông qua việc nhấn mạnh những khác biệt giữa các phụ nữ, những học giả này không chỉ phản đối sự phổ cập của tầng lớp trung lưu da trắng, những trải

nghiệm của phụ nữ Mỹ như là “của phụ nữ” mà còn bắt đầu một xu hướng lý thuyết hóa rất có lợi về việc những trải nghiệm sống về sự đàn áp nào không thể tách biệt thành những trải nghiệm do giới một mặt và mặt khác là sắc tộc nhưng xảy ra đồng thời và có sự liên kết (Brewer 1993); Espiritu 2000; Glenn 2002). Hơn nữa, phân tích này nhấn mạnh những hàm ý của những giao thoa về chính trị thực tiễn, bởi vì “phụ nữ da màu nằm giữa ít nhất là hai nhóm có địa vị thấp thường theo đuổi các xung đột chính trị” (Crenshaw 1991: 1246)

Vì vậy, một phần công dụng của phân tích giao thoa là đưa ra quan điểm về nét đặc thù của các triển vọng và nhu cầu của phụ nữ da màu, những người thường không được nhìn nhận là phụ nữ thậm chí ngay cả khi họ đang tổ chức “trên những con đường riêng” để bày tỏ những đòi hỏi nữ quyền (Roth 2004) và không được nhìn nhận là những người da đen mặc dù họ giữ vai trò lãnh đạo trong các phong trào về quyền công dân Mỹ (Robnett 1997). Bởi vì phụ nữ da màu tranh luận rằng họ phải chịu sự đàn áp theo một cách định tính khác, nên những trải nghiệm của họ cần phải được quan tâm đặc biệt để thấy được “sắc tộc, giới và tầng lớp, như những phân loại sự khác biệt, không tồn tại song song mà giao cắt và khẳng định lẫn nhau” (Espiritu 2000:1). Những khác biệt định tính này khiến “tiếng nói” đạt được trở thành yêu cầu tri thức và chính trị quan trọng, bởi vì chỉ nhờ việc bao hàm các triển vọng của những nhóm này thì các vấn đề chính trị mới có thể nảy sinh từ những trải nghiệm được các phong trào, luật pháp hay nghiên cứu liên quan đến chính sách đề cập đến.

Vì vậy, sự bao hàm khó có thể là một quan tâm nhỏ, và một thời gian dài các nghiên cứu mở đường của những phụ nữ da màu đã phát triển loại hình phân tích về sắc tộc và giới này (xem tổng quan trong Hancock 2007; McCall 2005; Prins 2006). Trong một bài viết về luật pháp có tầm ảnh hưởng, học giả phê bình về lĩnh vực sắc tộc Kimberlé Crenshaw (1991) đã gọi mỗi quan tâm này bằng cái tên mà giờ đây đã được biết đến khắp thế giới là “nghiên cứu giao thoa”. Trong khi, truyền thống này không bao giờ đưa ra một khái niệm mang tính phân loại về xác định vị thế xã hội đơn thuần, nó lại nhấn mạnh việc xác định vị trí các quan điểm rõ ràng có thể bộc lộ hình dạng phức tạp và gây tranh luận của quyền lực. Triển vọng của phụ nữ da màu được đưa vào không nhất thiết được trình bày rõ ràng chỉ bởi các nhà nghiên cứu thuộc về các nhóm thứ yếu không quan trọng, nhưng nó lại ưu tiên cho quan điểm xã hội và chính trị có thể làm dịch chuyển những trải nghiệm của họ “từ bên lề vào trung tâm” của lý thuyết (Collins 1990; hooks 1984).

Việc nhấn mạnh đưa “tiếng nói” tới những người ở vị trí bị áp bức khuyến khích thực hành cái mà Hancock (2007) gọi là diễn giải “đặc điểm chi tiết nội

dung” của nghiên cứu giao thoa: sự tập trung quan trọng vào nghiên cứu các nhóm bị loại khỏi nhịp điệu xã hội. Sự tập trung về mặt phương pháp vào cái Hancock gọi là “giao thoa đa chiều” này và cái McCall gọi là phương pháp “rõ ràng từ bên trong” tập trung đặc biệt vào những khác biệt trong trải nghiệm của các phân nhóm trong một phân loại, và thường đưa ra một danh sách các nhóm cần được đưa vào cũng như cần thảo luận về sự ưu tiên cần dành cho địa danh giao thoa này hay khác (Andersen 2008). Tuy nhiên, nếu ta lý thuyết hóa nghiên cứu giao thoa như một đặc điểm của thế giới xã hội nói chung, thì phân tích giao thoa cần đưa ra một phương pháp áp dụng cho tất cả các hiện tượng xã hội, chứ không phải chỉ bao hàm một nhóm thứ cấp cụ thể nào (Mc Call 2005; Yuval-Davis 2006).

Thực tế là phương pháp tiếp cận nghiên cứu giao thoa bằng tiếng nói cũng tồn tại trong tình trạng căng thẳng với những thấu hiểu phát sinh từ nghiên cứu về truyền thống của phụ nữ da màu. Trước tiên là tuyên bố của họ rằng không ai bao giờ được hưởng đặc quyền hay bị đàn áp (Jordan-Zachery 2007; McCall 2005). Hiểu được khía cạnh xung đột của sự bất bình đẳng cũng đòi hỏi nghiên cứu về các phân loại không rõ ràng trong đó quyền lực và đặc quyền “hợp lại với nhau” (Staunaes 2003). Theo sau các nhà tiên phong như Connell (1995) và Frankenberg (1993), các nghiên cứu về nam giới và người da trắng trở thành những lĩnh vực riêng thêm vào chuyên ngành này. Hai là, không có một phê bình lâu đời nào về sự bao hàm làm giảm sự bất bình đẳng tới mức đa dạng, ở đó “thay vì sử dụng sự khác biệt để cân nhắc lại phân loại phụ nữ, sự khác biệt thường là một biến hóa của những phụ nữ khác biệt so với các chuẩn mực truyền thống” (Baca Zinn và Dill 1996: 323). Xét về mặt phương pháp học, chỉ đơn thuần đưa sự khác biệt thường thay thế một tiêu chuẩn rõ ràng của người da trắng hay tình dục dị giới cho một nghiên cứu xác thực về “xu hướng chủ đạo” hay đưa vào các nhóm “không quy chuẩn” trong một nghiên cứu so sánh, mà nghiên cứu này mô phỏng lại khái niệm nhóm thống trị như một tiêu chuẩn (Brekhus 1998; Danby 2007).

Tóm lại, nghiên cứu giao thoa được định nghĩa là sự bao hàm đưa ra một “đặc điểm nội dung chi tiết”, nhưng cũng chỉ ra sự cần thiết hơn thế. Từ khởi đầu quan điểm lý thuyết và việc phụ nữ da màu tự động viên mình đòi được công nhận trong luật pháp, chính trị cũng như trong nghiên cứu, nghiên cứu giao thoa này phân tích tính hùng biện trong lời nói. Trong khi lý thuyết yêu cầu xem xét phê bình về các trường hợp chuẩn mực cũng như loại trừ, tập trung về phương pháp học vào sự bao hàm đôi khi lại coi trọng thái quá nghiên cứu về “sự khác biệt” mà không quan tâm đầy đủ đến mối quan hệ của nó với các phân loại không rõ ràng,

đặc biệt là làm thế nào có quyền lực hơn được xác định là các tiêu chuẩn chuẩn mực.

Các mẫu lấy quá trình làm trung tâm: Các tác động tương tác và phân tích đa cấp độ

Để phân biệt nghiên cứu các “tác động chính” của bất bình đẳng, các lý thuyết về nghiên cứu giao thoa thông qua định nghĩa đã đưa ra yêu cầu phải phân tích những tương tác. Do mẫu bao hàm tiếp cận những giao thoa dưới dạng các địa điểm như “các góc phố” nơi gặp gỡ của sắc tộc và giới và có vô số các tác động, bất cứ “đường phố” nào (một quá trình xã hội, như sự phân biệt đối xử do giới tính, hay sự phân biệt chủng tộc) đều có thể bị coi là “giao cắt” với bất cứ cái khác mà không bị biến dạng (Crenshaw 2001). Nhưng một số lý thuyết về nghiên cứu giao thoa lại biện luận ủng hộ nhiều hơn một sự chuyển đổi thành tố của bản thân các quá trình thông qua sự tương tác của chúng với các thể lực khác trong một hoàn cảnh cụ thể, tương tự như việc “tiêu hóa” đường và chuyển nó thành một chất mới trong cơ thể (Ken 2008). Weldon (2008) phân biệt giữa cái mà cô ta gọi là phương pháp “chỉ có sự tương tác” trong đó các tác động chính của các quá trình tách biệt được đặt riêng ưu tiên tập trung vào các tác động tương tác và một mẫu “tương tác và hơn nữa” trong đó các tác động chính có nhiều biến tố cũng vẫn đóng vai trò quan trọng. Chúng tôi sẽ tập trung vào mẫu thứ hai để hiểu về “lấy quá trình làm trung tâm”, ở đó các tác động tương tác đặt lên hàng đầu nhưng chỉ trong một số trường hợp.

Như McCall (2005) lập luận, thành tố cốt lõi của phương pháp này là phân tích so sánh, bởi vì thấy được sự tác động lẫn nhau giữa các cấu trúc thống trị khác nhau thay đổi như thế nào sẽ đòi hỏi một phương pháp nhất thiết chỉ thực hiện các so sánh trên mức cá nhân. Phân tích so sánh như thế cũng nên lưu ý đến sự tương tác, có nghĩa là nó sẽ giả định những tương tác quan trọng qua các hoàn cảnh như một vị trí mặc định. McCall gọi đây là “sự xác thực qua lại” bởi vì nó tìm kiếm những chiều cạnh của phạm vi thay đổi trong những điểm giao cắt giữa các phân loại, tuy nhiên nó lại xác định, trong khi Glenn (1999) nhấn mạnh nó là “có tính chất quan hệ” bởi vì nó nhấn mạnh mối quan hệ vật chất và văn hóa của quyền lực cấu tạo nên các xã hội. Mẫu quy trình của nghiên cứu giao thoa tập trung đặc biệt vào hoàn cảnh và so sánh ở các điểm giao cắt khi chỉ ra các quá trình mang tính cơ cấu tổ chức nên quyền lực.

Phân tích lấy quy trình làm trung tâm theo loại hình cơ cấu không phải là không có những hạn chế của nó. Nó có sự mạo hiểm khi tập trung vào những cấu

trúc trùu tượng trong các dạng thức giao thoa, do đó nó khiến cho những người đang trải nghiệm tác động của sự tương tác giữa các yếu tố vĩ mô và trung gian trong các số liệu ngẫu nhiên, xem nhẹ tác động của chúng trong tập hợp các tác động phức hợp (Prins 2006; Staunaes 2003). Để giải quyết hạn chế có thể xảy ra này, các nhà lý thuyết học nhấn mạnh những ý nghĩa văn hóa và cấu trúc xã hội của các phân loại như những quy trình trung tâm theo cách của riêng họ. Cả McCall (2005) và Davis (2008) lập luận rằng yếu tố sau này, nghiên cứu giao thoa giải thích nhiều hơn này thu hút những người còn hoài nghi về tính ổn định của các phân loại nhận dạng ở mức vi mô. Nhiều nhà lý thuyết học quan tâm tới mẫu lấy quy trình làm trung tâm của nghiên cứu giao thoa theo sau khuynh hướng rời rạc trong ngành xã hội học bằng cách chuyển từ các nhân dạng phân loại sang nghiên cứu xem các cá nhân được “tuyển dụng” vào các phân loại như thế nào và có những lựa chọn trong “các vị thế phụ thuộc” họ đưa vào các địa điểm phức hợp này như thế nào (Adams và Padamsee 2001). Điều này lặp lại một chuyển động rộng hơn vào các nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu phê bình về sắc tộc, và các nghiên cứu về giới và phụ nữ để giải quyết sự hình thành các chủ thể chính trị như một quá trình tự sáng tạo gây tranh cãi trong lĩnh vực các quan hệ quyền lực (Ken 2008; Staunaes 2003; Yuval-Davis 2006). Vì vậy các mẫu quá trình có thể nhạy cảm với vấn đề nhân dạng hay các địa điểm xã hội, thông qua việc xem xét những mẫu này như đang được thiết lập (Adam và Padamsee 2001), hoặc cùng được thiết lập với các phân loại và các quan hệ ở mức vĩ mô và trung bình (Prins 2006).

Những hiểu biết mang tính giải thích xã hội về nghiên cứu giao thoa, mặc dù “ngược với xác thực” trong thuật ngữ của McCall, cũng cùng tập trung vào quá trình mà cô ấy gọi là các nghiên cứu “ngược với xác thực”. Họ nhấn mạnh các thể lực năng động hơn là các phân nhóm – sự phân biệt chủng tộc chứ không phải chủng tộc, khai thác kinh tế chứ không phải các tầng lớp, giới và phân biệt giới chứ không phải các giới – và nhận ra đặc điểm phân biệt về việc quyền lực vận hành như thế nào qua các lĩnh vực thể chế cụ thể. Bởi vì mỗi quan tâm của nó tới các quá trình chuyển đổi song phương, phương pháp này nhấn mạnh sự thay đổi qua thời gian cũng như giữa các địa điểm và thể chế (Yuval-Davis 2006).

Những yêu cầu về mặt phương pháp học về một mẫu quá trình cao hơn nhu cầu về mẫu bao hàm, nhờ có các so sánh rõ ràng, tập trung vào các quá trình năng động và mức độ thay đổi theo hoàn cảnh đều được hiểu như là vốn có trong nghiên cứu giao thoa. Trong nghiên cứu này bao hàm một khái niệm về cấu trúc xã hội, đồng thời nó cũng đòi hỏi cần phải có các dữ liệu đa cấp độ, bao gồm cả chủ thể là các cá nhân tạo nên thể giới mà họ đang sống và thúc đẩy cũng như buộc các quyền lực trên thể giới khi nó được khi nó được phát triển.

Tuy nhiên, khía cạnh đa cấp độ của phương pháp này cũng đặt ra thách thức cho những người liên hệ giới với nhóm ở cấp vi mô hoặc các quá trình ở cấp tâm lý xã hội cá nhân, sắc tộc với các cấu trúc ở cấp trung của tổ chức xã hội, đặc biệt là sự loại trừ, sự phân biệt chủng tộc và xung đột giữa các nhóm, và tầng lớp với các quá trình ở cấp vĩ mô của sự phát triển xã hội và sự phân biệt (Ferree và Hall 1996). Mặc dù đòi hỏi phải có một giả thiết về sự giao cắt trong phạm vi cũng như giữa các cấp độ, vì vậy, các thực hành phương pháp học có thể có xu hướng thay vì hướng tới “sự phân nhóm” trong đó các quá trình được “sắp xếp” về mặt khái niệm từ cấp vĩ mô “thấp” dần đến mức “các khác biệt cá nhân”. Mặc dù việc giành sự ưu tiên cho một tầng lớp như mối quan hệ quyết định xã hội, mẫu quá trình cũng có thể áp dụng được khi giới hay sắc tộc được xem như là dạng áp bức “cơ bản” trong một hoàn cảnh thể chế cụ thể (ví dụ, Kantola và Nousiainen 2009 đặt gia đình như một thể chế nơi mà giới và bản năng giới tính đóng vai trò quan trọng, quốc gia là địa điểm cơ bản của sắc tộc và tính cách sắc tộc). Bởi vì nó tập trung vào động lực tạo ra “các phân nhóm”, phương pháp tiếp cận về mặt phương pháp học là để “đặt ra câu hỏi khác”, đó là: thu nhận bất cứ một yếu tố nào xác định là dạng áp bức cơ bản trong một tình huống và đặt ra câu hỏi khía cạnh bất bình đẳng đó được phân nhỏ và lai truyền chéo nhau như thế nào với các trục quyền lực khác và sự loại trừ được kết nối kém hơn (Yuval-Davis 2006).

Tóm lại, mẫu quá trình không chỉ bổ sung thêm các nhóm, mà còn bổ sung các mối quan hệ giao cắt nhau vào cái thường được khái niệm hóa là “các tác động chính” không biến đổi và liên tục. Phương pháp này đòi hỏi một lĩnh vực có hoàn cảnh và mang tính so sánh hơn cho các nghiên cứu giao thoa, nhưng nhờ kết nối các mức độ phân tích hay các thể chế cụ thể với những sự bất bình đẳng khác nhau, nó có xu hướng hướng tới việc tách biệt những mâu thuẫn thứ yếu và mâu thuẫn cơ bản. Điều này có thể là lý do khiến nhiều nhà lý thuyết về nghiên cứu giao thoa tranh luận hàng loạt các bất bình đẳng “ưu tiên hàng đầu” – liệu sắc tộc, tầng lớp và giới tính có đủ không, hay danh mục này có nên đưa cả những bản năng giới tính, tuổi tác, quốc tịch và giới tính vào không (xem tiểu luận của Andersen 2008).

Nghiên cứu giao thoa có hệ thống: Thâm nhập về thể chế

Mẫu được Weldon (2008) gọi là mẫu “chỉ bao gồm giao cắt” phản ánh một quan điểm của sự thay đổi giao cắt trong đó không quá trình nào được ưu tiên về cấp bậc trong một thể chế. Khởi đầu từ việc xem xét những bất bình đẳng mở rộng và

thay đổi dạng các cấu trúc và hoạt động ở tất cả các cấp độ và trong tất cả các hoàn cảnh thể chế khiến việc tưởng tượng bất cứ một quá trình nào như một “tác động cơ bản” riêng biệt đối với bất cứ ai cũng rất khó. Walby (2009) coi mẫu giao thoa đầy đủ của các thể chế xã hội tạo ra những bất bình đẳng là “phức tạp” và đối chiếu mẫu kết nối hệ thống này với cái mà cô ta gọi là “bao hàm phân đoạn”, trong đó nền kinh tế được xem như là rất “bảo hòa” với tầng lớp, gia đình với giới và quốc gia với tính cách sắc tộc trong mỗi phạm vi thể chế, các dạng bất bình đẳng khác có thể được coi là “bổ sung thêm”.

Thay vào đó, việc coi nghiên cứu giao thoa như một hệ thống phức tạp xem vấn đề giới và sắc tộc về cơ bản là được bao gồm, và quyết định tổ chức của quyền sở hữu, lợi nhuận và sự phụ thuộc vật chất vào thị trường của lao động trong hệ thống này, ví dụ, thông qua việc ấn định các loại hình công việc và loại người tham gia vào thị trường. Bằng cách gọi quá trình này là “chủ nghĩa tư bản” và định nghĩa nó về mặt tầng lớp như một đặc điểm quan hệ của thể chế này, thậm chí với sự tập trung vào những cách cụ thể mà nó dùng sắc tộc và giới để hỗ trợ cho chính nó thì “tác động chính” cũng được đặt lên hàng đầu trên cả các quá trình nghiên cứu giao thoa mà qua đó sắc tộc và giới rất cần thiết cho bất cứ việc chiếm giữ lao động hay sự hình thành và luân chuyển của cải vật chất nào. Ví dụ, mô tả về nghiên cứu giao thoa của Acker (2006) đưa ra địa điểm và quá trình của chủ nghĩa tư bản ở vị trí trung tâm, trong khi Peterson (2005) lại đưa ra mô tả về một nền kinh tế chính trị được thiết lập một cách bộc phát và năng động bởi mối quan hệ giữa giới và sắc tộc một cách cơ bản như bởi tầng lớp.

Walby (2009) tập trung vào cấp độ hệ thống này của nghiên cứu giao thoa, thiết lập nên từ các quá trình tương tác giữa loại tầng lớp và sắc tộc mà Acker và Peterson mô tả, và làm lệch tâm một cách có hệ thống bất cứ một quá trình nào thành “cơ bản”. Cô ta xem xét các mẫu phản hồi của các động lực tính toán hiện đại và các lý thuyết phức tạp của những tương tác hệ thống môi trường trong các khoa học sinh học và khái niệm hóa lại các tác động tương tác như chúng vốn có trong bản chất của các quá trình phân tầng. Điều này thách thức về mặt phương pháp học hơn là chỉ xác định các tác động tương tác theo kinh nghiệm của các chiều cạnh riêng biệt trong các ngữ cảnh so sánh tách biệt, như McCall (2001) thực hiện. Các xã hội được lý thuyết hóa là các hệ thống được thiết lập theo lịch sử được giới hạn tùy tiện trong đó hệ thống có thể được xác định cũng là môi trường cho các hệ thống khác mà nó phải liên tục thích nghi cùng. Nhấn mạnh sự pha trộn giữa các tác động phản hồi tích cực và tiêu cực trong việc thực hiện chức năng thực tế của các hệ thống bất bình đẳng được hình thành theo lịch sử đó, Walby lập luận cho cả tính ổn định và không ổn định của chúng: bởi vì những

thay đổi nhỏ có thể gây ra những ảnh hưởng lớn, có rất nhiều khả năng tác động với những người muốn tìm sự thay đổi, nhưng cũng có nhiều yếu tố củng cố cho địa vị trong các thể chế đa dạng và phụ thuộc song phương.

Evelyn Nakano Glenn (2002) lấy ví dụ minh họa cho phương pháp phức tạp này trong nghiên cứu của mình về những giao thoa cụ thể về mặt lịch sử của lao động và quyền công dân ở Mỹ như các thể chế cùng thiết lập tầng lớp, sắc tộc và giới tính thành các bất bình đẳng có tính hệ thống. Glenn cũng lập luận rằng mỗi một thể lực mạnh mẽ của bất bình đẳng hoạt động như các khái niệm mang tính phân tích với cùng ba đặc điểm: “Đó là các khái niệm về *quan hệ* mà sự hình thành của chúng bao gồm cả các quá trình *mang tính cơ cấu xã hội* và *mang tính biểu trưng* trong đó quyền lực là một nguyên tố cấu thành” (Glenn 1999: 9, nhấn mạnh vào tính nguyên bản). Cô ấy tập trung đặc biệt vào tính chất quan hệ, thận trọng khi sử dụng những khác biệt, như các phân loại sắc tộc và giới, như những nhận diện đơn thuần; sự kết hợp cân bằng mà cô ấy đưa ra giữa các chiều cạnh quyền lực, biểu trưng và cơ cấu xã hội của các quá trình phân tầng này giảm đi khuynh hướng ấn định sự ưu tiên về thể chế cho một cấp độ phân tích này hay khác hoặc một cách phân tầng toàn diện trên mọi lĩnh vực, chứ không phải là theo các mô hình cụ thể ở các địa điểm và thời gian khác nhau.

Tóm lại, quan điểm nghiên cứu giao thoa như một quá trình phức tạp này cho rằng một phương pháp nhìn nhận mọi thứ như những sự tương tác, chứ không phải là “các tác động chính”. Thách thức ở đây là xác định các cấu hình cụ thể mang tính lịch sử và địa danh của các bất bình đẳng, bởi vì mọi hệ thống đều có tính ngẫu nhiên và phụ thuộc vào đường hướng. Mặc dù chúng tôi đang đề xuất rõ ràng rằng khả năng nghiên cứu giao thoa được nhận ra một cách tốt nhất thông qua một phương pháp trọng tâm vào các tác động mạnh mẽ và lệch tâm đó, chúng tôi cũng lập luận rằng không phải tất cả các nhà xã hội học đều có chung quan điểm về những ưu tiên hàng đầu cho lợi ích từ việc hiểu rõ hơn rằng những ý tưởng về nghiên cứu giao thoa nào định hướng rõ ràng cho phân tích của họ. Thậm chí những nghiên cứu không tập trung về mặt thể chế và không sử dụng các phương pháp so sánh và phương pháp mang tính lịch sử cũng có thể được cải thiện nhờ tập trung nhiều hơn vào việc sự bao hàm, tương tác và các thể chế được coi trọng thế nào xét về phương diện phân tích.

NGHIÊN CỨU GIAO THOA NHƯ MỘT PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

Để minh họa cho việc các lý thuyết về nghiên cứu giao thoa có thể làm sáng tỏ các lựa chọn phương pháp mà các nhà phân tích lựa chọn như thế nào, bây giờ

chúng tôi chuyển sang xem xét bốn công trình nghiên cứu chuyên về xã hội học về những bất bình đẳng xã hội – *Những lời hứa tôi có thể thực hiện* (Edin và Kefalas 2005), *Via hè* (Duneier 1999), *Phẩm giá của những người đàn ông lao động* (Lamont 2000), và *Những tuổi thơ không bình đẳng* (Lareau 2003). Chúng tôi sử dụng dữ liệu và phân tích của họ để nhấn mạnh việc quan tâm hơn tới sự phức tạp ở cấp độ hệ thống có thể nâng cao chất lượng phân tích ở cấp vi mô, thất chặt các mối quan hệ quyền lực, các hoàn cảnh thể chế và kinh nghiệm sống như thế nào.

Cả bốn công trình nghiên cứu được giải thưởng này đều dựa trên các phương pháp định tính, liên quan sâu sắc tới bất bình đẳng xã hội và những phân tích sâu xa về bất bình đẳng đa phương diện. Tuy vậy mỗi công trình nghiên cứu cũng rất bao hàm, và một số tập trung vào các quá trình bất bình đẳng vì không có các tác động giao thoa, không sử dụng quan điểm phức tạp về các quá trình giao thoa song phương cơ bản trong ngữ cảnh nghiên cứu. Thay vì bộc lộ một quá trình mà nhờ đó mỗi quan hệ bất bình đẳng có tác động lẫn nhau, thì mỗi nghiên cứu này lại đưa ra cái nhìn về các địa điểm xã hội cụ thể được đánh dấu là nằm ngoài xu hướng chủ đạo, che khuất đi mối quan hệ của các phân loại không rõ ràng để nhấn mạnh nhóm, và tạo lập các mối quan hệ quyền lực tạo ra những quá trình này bên ngoài bức tranh toàn cảnh. Thông qua việc tận dụng các dữ liệu rất phong phú được trình bày trong những nghiên cứu được lấy làm ví dụ điển hình này, chúng tôi chỉ ra phân tích giao thoa có thể đi tới đâu để bộc lộ nhiều hơn các mối quan hệ mang tính so sánh, ngữ cảnh và phức tạp trong các dữ liệu mà các tác giả đã trình bày.

Bốn nghiên cứu chuyên sâu chúng tôi phân tích này lấy tầng lớp làm động lực trung tâm của sự bất bình đẳng nhưng lại lồng yếu tố này vào các trục khác, đặc biệt là sắc tộc và giới, với ít nhiều các vấn đề so sánh rõ ràng. Nghiên cứu có tiêu đề *Via hè* giới hạn trọng tâm là những người đàn ông da đen nghèo bán sách dạo trên đường phố, trong khi *Những lời hứa tôi có thể thực hiện* (từ đây gọi tắt là *Những lời hứa*) nghiên cứu về những bà mẹ đơn thân nghèo từ các vùng khác nhau ở Philadelphia. Nghiên cứu về lô gíc mang tính văn hóa trong việc nuôi dạy con của các bậc cha mẹ ở tầng lớp trung lưu và tầng lớp lao động, *Những tuổi thơ không bình đẳng* so sánh trực tiếp phạm vi thay đổi theo sắc tộc, giới và tầng lớp bằng cách đưa vào trong mẫu cả con trai, con gái, cả các gia đình da đen, da trắng nghèo, trung lưu hay thuộc tầng lớp lao động. *Phẩm giá của những người đàn ông lao động* (từ đây gọi tắt là *Phẩm giá*) chỉ so sánh giữa các quốc gia, xem xét xem những người đàn ông thuộc tầng lớp lao động, cả da đen và da trắng, ở Mỹ và ở

Pháp, vẽ nên những giới hạn đạo đức như thế nào, đặc biệt là về sắc tộc và tầng lớp.

Trong các phần sau, chúng tôi áp dụng các chủ đề được xác định ở trên cho bốn nghiên cứu này để chứng minh một số hạn chế bắt nguồn từ các lý thuyết tuyệt đối về nghiên cứu giao thoa. Phần thứ nhất đưa ra các vấn đề liên quan đến phép tu từ của việc *lên tiếng* về việc bị cách ly ra khỏi nhịp điệu xã hội nhiều lần. Cụ thể, chúng tôi chỉ ra mẫu về việc lên tiếng đóng góp vào việc cường điệu quá mức những khác biệt của nhóm được nghiên cứu từ các độc giả giả định ở tầng lớp trung lưu như thế nào và cản trở các hoạt động thiết lập chuẩn mực quyền lực như thế nào. Phần thứ hai nghiên cứu xem các giả thiết chưa rõ ràng về thể chế ưu việt hình thành nên mô hình nghiên cứu so sánh như thế nào. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa các phân loại chưa rõ ràng không chỉ vào dữ liệu mà còn vào nghiên cứu để xác định các quá trình quyền lực. Phần thứ ba thử nghiệm ưu tiên hàng đầu về tầng lớp được giả định như một yếu tố tiên quyết ở cấp vĩ mô của các hoàn cảnh xã hội, và chỉ ra giới, sắc tộc và tầng lớp có thể được xem như cùng kết hợp với nhau như thế nào để xác định ranh giới và tái tạo lại các vấn đề bất bình đẳng trong hệ thống tổng thể.

SỰ BAO HÀM VÀ PHÉP TU TỪ CỦA TIẾNG NÓI: *VIA HÈ VÀ NHỮNG LỜI HỨA TÔI CÓ THỂ THỰC HIỆN*

Via hè và *Những lời hứa* cùng chung mục đích là nghiên cứu sâu về các yếu tố logic văn hóa trong đời sống của những nhóm thiệt thòi ở Mỹ. Cả hai nghiên cứu thực hiện mục đích này bằng cách làm trung gian giữa những tâm tư không được nói ra của các nhóm bị cách ly khỏi nhịp điệu xã hội và công chúng “chiếm ưu thế”. Thông qua câu chuyện của những người da đen nghèo, những người nhật rác, và những người ăn xin trên vỉa hè ở New York, Duneier tuyên bố trong nghiên cứu *Via hè* rằng ông “trung thành với ý tưởng rằng tiếng nói của những người ở đại lộ số 6 cần phải được lắng nghe” (trang 13). Tương tự, Edin và Kefalas trình bày rằng “mục đích của chúng tôi là mang lại cho các bà mẹ đơn thân nghèo một cơ hội giải thích câu hỏi mà rất nhiều người giàu ở Mỹ hỏi về họ: đó là tại sao họ lại hiếm khi kết hôn, và tại sao họ lại sinh con trong khi họ phải vật lộn để nuôi con” (trang 25), và do đó “chúng tôi cho những người mà tiếng nói của họ hiếm khi được lắng nghe một cơ hội để lên tiếng” (trang 196).

Quan tâm đến những khía cạnh và trải nghiệm của những người không có quyền lực để “tiếng nói” của họ được lắng nghe là một bước quan trọng không thể chối cãi được để hiểu về bất bình đẳng xã hội. Thực tế, những nhóm này thường

là đối tượng của các cuộc tranh luận chính trị, chứ không phải là các chủ thể tham gia vào các vấn đề chính trị dân chủ, và những ý niệm bất di bất dịch về họ rất phổ biến. Những người đàn ông da đen nghèo trong nghiên cứu của Duneier và những bà mẹ đơn thân nghèo trong nghiên cứu của Edin và Kefalas bị những người hoạch định chính sách mô tả là những kẻ lầm đường lạc lối – theo thuật ngữ mà Duneier dùng, là bị bêu xấu như những người “không đứng đắn”. Tuy nhiên, nỗ lực của các tác giả trình bày những điều không được nói ra bằng cách nói thay cho họ là giải thích các logic văn hóa “cụ thể” và rõ ràng và cuộc sống của các thánh giả “chủ đạo”. Các logic văn hóa mà những thánh giả chủ đạo sống với chúng được nhập tịch và đồng hóa. Kết hợp với việc thiếu những cuốn sách về phân tích cấu trúc về các cách sống được tạo ra trong và cho một hệ thống đặc quyền của tầng lớp, sắc tộc và giới rộng hơn như thế nào, phép tu từ của tiếng nói không động chạm đến chuẩn mực về những khác biệt cơ bản của nhóm này so với đa số công chúng.

Trong *Via hè*, Duneier đưa ra bức tranh phê phán cuộc sống trên vỉa hè đặc biệt là khi ông rất mong muốn khẳng định với độc giả rằng cách mà những người đàn ông da đen nghèo này nên được hiểu là giống như đa số dân chúng trong xã hội, mặc dù có những khác biệt rõ ràng, và vì vậy sự khinh bỉ và thậm chí là căm ghét của xã hội giành cho họ là không xứng đáng. Ông tuyên bố rằng: “không chỉ những người bán hàng và nhặt rác, mà cả những người vô gia cư đều phải chịu đựng các chuẩn mực và các bộ luật; mà đa phần sự có mặt của họ trên đường phố còn tăng cường trật tự xã hội” (trang 43). Trong nỗ lực để khắc họa chân dung của những con người trên vỉa hè một cách tích cực, Duneier kể câu chuyện của Marvin, một người nhặt rác da đen có “vấn đề về sử dụng ma túy” và giờ đây đang phải trông nom người di của mình. Biểu lộ sự ngạc nhiên của ông khi Marvin trở lại nhà di của mình bởi vì ông để một cái đĩa nóng trên bếp lò vào buổi sáng, Duneier tự nhủ: “Tôi nghĩ về việc Marvin đã đi được bao xa kể từ ngày ông ta nói ‘Mẹ kiếp!’ Công việc (của một người nhặt rác) đã có một cơ cấu với sức ép không được từ bỏ. Cũng như nghiên cứu của John, hành vi của ông ta cho thấy rằng họ quan tâm đến xã hội và mong muốn được là một phần của xã hội đó” (trang 79).

Nhưng điều này đưa ra câu hỏi Duneier ám chỉ “xã hội” mà những người trên vỉa hè được cho là “mong muốn là một phần” có ý nghĩa gì, và trong khung này, họ không phải đã là một phần. Ấn sau nghiên cứu của Duneier, là những giả thiết của ông cho rằng không chỉ những khác biệt giữa những “thành viên bình thường” của “xã hội” và những người đàn ông da đen này, mà cả những ý nghĩa cộng hưởng của nó cũng được độc giả cảm nhận, coi công việc kiếm tiền là để

cứu vãn và bình thường hóa. Duneier đề xuất rằng nền kinh tế không chính thức trên vỉa hè biến một người với quá khứ không may mắn thành một thành viên “xứng đáng” trong xã hội:

Khi rượu và ma túy, từng đóng vai trò quan trọng trong đời sống của một người, nay không còn là một phần cuộc sống của anh ta nữa, vậy con người đã sửa chữa những sai lầm của mình đó dùng cái gì để thay thế cho chúng? Anh ta có thể không sẵn sàng tham gia vào một nền kinh tế chính thống. Anh ta có thể sẽ làm gì để trở thành một thành viên xã hội có lòng tự trọng và có ích? Tôi cho rằng dường như hoạt động kinh doanh đó của Marvin trên vỉa hè vài ngày một tuần cũng cảm nhận sự thiếu hụt đó. (trang 79).

Xuyên suốt nghiên cứu của mình, Duneier không làm cho khái niệm “một thành viên có lòng tự trọng và có ích cho xã hội” và câu hỏi liệu “tiếng nói” mà ông đưa ra có phải là tiếng nói đích thực của những người bán hàng trên vỉa hè không trở nên khó giải thích— ông không viết về việc Marvin có tự hỏi bán hàng trên vỉa hè có ý nghĩa gì đối với chính anh ta. Ông tưởng tượng mối quan tâm của các độc giả trở thành trung tâm vấn đề nghiên cứu của mình; ông đặt câu hỏi “những người cùng tôi có đang hay không đang vật lộn mưu sinh hay không và như thế nào theo các tiêu chuẩn về giá trị ‘đạo đức’” (trang 341), mà không chất vấn tiêu chuẩn về giá trị đạo đức này. Xét về khía cạnh này, *Via hè* đã không đạt được tiêu chuẩn về vị trí địa điểm của nghiên cứu giao thoa theo đó các khía cạnh của việc bị áp bức chuyển từ bên lề vào vị trí trung tâm.

Nhưng điều này, về phía Duneier, dường như không hoàn toàn là thất bại về sự thấu cảm, mà là kết quả của việc thiếu phân tích về cả *các quá trình* cấu trúc hay văn hóa – đặc biệt là các điều kiện theo đó “xã hội” Mỹ cuối thế kỷ 20 có thể nhìn nhận Marvin, một người đàn ông da đen nghèo, như một “thành viên có lòng tự trọng và có ích” một cách rõ ràng. Việc Duneier nhận ra rằng các mối quan hệ quyền lực mà ông quan sát được trên vỉa hè là nằm trong các cấu trúc xã hội rộng hơn – “vỉa hè đó cũng “ở trong” nhà ga Pennsylvania, Hội đồng thành phố, Farrar, vụ Straus và Giroux kiện Strand, và Khu phát triển kinh doanh, và nhiều nơi khác nữa” (trang 345) – vẫn chưa được sử dụng về mặt lý thuyết để giải thích sắc tộc và giới giao thoa với nhau như thế nào trong việc hình thành đạo đức.

Cách kể chuyện của Edin và Kefalas về những bà mẹ đơn thân nghèo cũng làm nổi bật quan điểm của những độc giả ở tầng lớp trung lưu quan tâm tới đạo đức và không quen với cái nghèo. Nghiên cứu logic về mặt văn hóa của những người phụ nữ nghèo coi việc được làm mẹ quan trọng hơn hôn nhân, Edin và Kefalas thấy rằng những bà mẹ đơn thân này đề cao giá trị tượng trưng của hôn

nhân như một thứ xa xỉ để hưởng thụ sau khi họ có được sinh kế tốt nhưng họ lại coi con cái là yếu tố cần thiết đem lại ý nghĩa và giá trị cho cuộc sống của họ ngay tại thời điểm hiện tại. Họ trình bày logic về văn hóa của việc làm mẹ này với chi tiết nhân học phong phú, nhưng lại đưa ra những so sánh chỉ trong phạm vi mỏng và bất di bất dịch về chuẩn mực đạo đức của tầng lớp trung lưu. Nếu, khi nào và tại sao những người phụ nữ trung lưu cùng một lứa tuổi coi trọng việc có con và tại sao họ lại đặt hôn nhân lên trước việc sinh con (một cách lạ kỳ?) là những tiêu chuẩn không thể bác bỏ được mà những người phụ nữ này được đánh giá theo các tiêu chuẩn đó. Ví dụ, Edin và Kefalas kết luận rằng: “Đó có thể hiểu là chi phí thấp của việc sinh con sớm và giá trị cao của những đứa con đối với những phụ nữ nghèo – và việc làm mẹ - dường như không thể giải thích được tại sao họ không có khả năng cưỡng lại được việc có thai” (trang 171). Bởi vì các tác giả không đặt ra câu hỏi điều gì khiến quyết định của họ “không thể cưỡng lại”, nên sự lựa chọn của những người phụ nữ này được chuyển từ không thể nhìn thấy được thành “không có khả năng”.

Vấn đề không phải là những tác giả này cần phải thực hiện nghiên cứu nhân học so sánh, mà khía cạnh giao thoa trong việc đưa ra quyết định của những người phụ nữ này như một quá trình sẽ đặt vị trí cấu trúc của họ trong mối quan hệ với những người khác, gợi ra những câu hỏi không thực tế trái với bản chất tự nhiên – như cuộc sống của những phụ nữ trung lưu và những phụ nữ trong độ tuổi học đại học còn thiếu điều gì khiến chi phí sinh con sớm sẽ thấp hơn cho họ? Điều gì thôi thúc họ đi đến những quyết định “không thể giải thích nổi” là chờ để kết hôn trước và rất có thể sẽ không thể sinh nở được sau khi kết hôn?

Nếu không phải là để đáp ứng chuẩn mực được tôn trọng của tầng lớp trung lưu, thì tại sao những người phụ nữ nghèo lại phải cố “tránh có thai”. Đây thực sự là một câu hỏi không thể trả lời. Khi được hỏi trực tiếp, “cuộc sống của cô sẽ như thế nào nếu không có con?” những người được phỏng vấn trả lời là: “Tôi thà chết hay đi tù còn hơn,” “Tôi thà ra đứng đường,” “Tôi chả quan tâm đến bất cứ thứ gì nữa,” “Con tôi đã cứu vớt cuộc đời tôi,” và “Chỉ vì các con tôi mà tôi sống đến ngày hôm nay” (trang 184). Edin và Kefalas lập luận rằng thậm chí nếu các bà mẹ giàu có hơn nhờ sinh con, thì lựa chọn của họ cũng có hại: “Mặc dù có con sớm có thể không ảnh hưởng nhiều đến các cơ hội trong cuộc sống của một bà mẹ trẻ, nhưng nó có thể làm mất đi các cơ hội của con cái họ” (trang 216). Nhưng phạm vi vấn đề này đặt “con cái” sang một bên của vấn đề đạo đức, nơi mong muốn của người đọc được cho là quan tâm đến chúng, và con cái cũng được đặt sang một bên của các cấu trúc mà các bà mẹ (ông bố, trang 217) nghèo có thể là những bậc cha mẹ nguy hiểm, chính lợi ích của họ cũng kém phần quan trọng.

Mặc dù Edin và Kefalas dự định “đem lại tiếng nói” cho những bà mẹ nghèo này, thế nhưng những nhu cầu của họ lại bị cho là thứ yếu và không được tập hợp lại.

NHỮNG TƯƠNG TÁC VÀ LOGIC CỦA SO SÁNH: QUYỀN LỰC VÀ QUÁ TRÌNH TRONG *NHỮNG TUỔI THƠ KHÔNG BÌNH ĐẲNG*

Những tuổi thơ không bình đẳng của Annette Lareau đưa ra một phân tích sâu về logic văn hóa trong việc nuôi con trong các gia đình thuộc tầng lớp lao động và trung lưu ở Mỹ thông qua so sánh có hệ thống về tầng lớp, sắc tộc và giới. Tuy nhiên, mặc dù có những ưu điểm riêng của nó, thì phương pháp nghiên cứu lý thuyết định hướng cho các phân tích dữ liệu của Lareau chỉ giao thoa về mặt mô tả các địa danh như góc phố nơi giao cắt của các yếu tố bất bình đẳng khác nhau.

Những tuổi thơ không bình đẳng tuyên bố rằng có những khác biệt lớn giữa các tầng lớp xã hội trong việc nuôi dạy con cái với các logic văn hóa rõ rệt ảnh hưởng tới cảm nhận về bản thân của con trẻ trong mối quan hệ với xã hội, và đã thành công khi chỉ ra rằng phương pháp rõ ràng để nghiên cứu tầng lớp xã hội, chứ không phải sự thay đổi liên tục như học văn của người mẹ, giải thích rõ hơn những khác biệt trong logic của việc nuôi dạy con trong các gia đình này. Lareau sau đó chỉ ra những khác biệt về sắc tộc và giới tính như một yếu tố “bổ sung” vào những khác biệt cơ bản về tầng lớp này:

Đề chắc chắn, những yếu tố khác cũng đóng vai trò bên cạnh tầng lớp xã hội. Những khác biệt về giới cũng đặc biệt đáng quan tâm. Con trai và con gái có những hoạt động giải trí rất khác nhau. Con gái có cuộc sống tĩnh tại hơn so với con trai. Chúng cũng chơi ở gần nhà hơn... Sắc tộc cũng đóng vai trò, đặc biệt là sự phân chia ranh giới khu dân cư theo sắc tộc vô hình chung đã chia trẻ em thành những nhóm chơi theo sắc tộc (mặc dù sắc tộc không ảnh hưởng tới số lượng các hoạt động của trẻ em). (trang 36)

Có hai vấn đề phân tích liên quan tới nhau nảy sinh từ việc đối xử với giới, sắc tộc và tầng lớp như những biến số riêng biệt và cố gắng tìm ra biến số nào có tác động “lớn nhất”. Thứ nhất, bởi vì “các tác động chính” của giới, sắc tộc và tầng lớp được nghiên cứu là không tác động nhiều đến nhau, sự giao thoa giữa các yếu tố này không rõ ràng như một *quá trình*, thậm chí khi các gia đình sinh sống ở *địa điểm* giao cắt được nghiên cứu trong một loại phân tích “về các hoàn cảnh hiểm nghèo”. Thứ hai, các tác động của tầng lớp, sắc tộc và giới được nhìn nhận chủ yếu qua trải nghiệm của những người thuộc nhóm ở tầng lớp thấp hơn hay nhóm

“rõ ràng” ở mỗi một chiều cạnh. Chúng tôi lần lượt xem xét và phân tích mỗi chiều cạnh.

Trong một phần có tiêu đề “sự giao cắt giữa sắc tộc và tầng lớp”, Lareau đi vào chi tiết về nét đặc thù của các gia đình da đen thuộc tầng lớp trung lưu khi so sánh họ với các gia đình da trắng tương tự. Tuy nhiên, mặc dù có những mô tả rất phong phú này, nghiên cứu này đề xuất rằng cần phải có một lựa chọn giữa sắc tộc và giới như “một” khía cạnh chủ đạo. Cô ấy trình bày khía cạnh này như một quyết định mang tính phân tích giữa hai biến số, chứ không phải là tìm ra một sự giao cắt giữa chúng:

Tuy nhiên, những khác biệt lớn nhất trong logic văn hóa của việc nuôi dạy con trong hành vi hàng ngày của bọn trẻ trong nghiên cứu này là giữa một bên là trẻ em ở tầng lớp trung lưu... và mặt khác là trẻ em nghèo thuộc tầng lớp lao động. Là một cậu bé da đen thuộc tầng lớp trung lưu, Alexander Williams có nhiều điểm tương đồng với cậu bé da trắng thuộc tầng lớp trung lưu Garrett Tallinger hơn là với các cậu bé da đen có ít đặc quyền hơn, như Tyrec Talyer hay Harold McAllister. (trang 241)

So sánh giữa số lượng bất bình đẳng theo tầng lớp và sắc tộc để xem yếu tố nào có nhiều tác động hơn có nghĩa là xác định chúng là độc lập và tách biệt “các tác động chín” trong khi giới hạn sự rõ ràng của các giao cắt mạnh của các quá trình này. Sự quan tâm nhiều hơn tới việc mỗi quá trình, như một quá trình, biến cách và biến đổi bởi sự giao cắt của nó với yếu tố khác có thể đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn từ cùng một dữ liệu.

Xem xét động lực về giới và sắc tộc thực sự tác động với nhau như thế nào trong các câu chuyện chăm sóc con cái của các bà mẹ thuộc các gia đình da đen trung lưu. Mặc dù Lareau mô tả sự giao cắt năng động của các bậc cha mẹ ở tầng lớp trung lưu da đen và da trắng ở trường học tương tự như nhau, dữ liệu của cô ta đưa ra những chuyển động và bản chất của sự giao cắt thay đổi theo những cách quan trọng. Các bà mẹ của trẻ em da đen và da trắng thuộc tầng lớp trung lưu, Alexander Williams và Stacey Marshall, cung cấp sự chú ý sâu mà logic về tầng lớp của “sự dạy dỗ” cần có, nhưng những gì họ làm và họ làm như thế nào đều liên quan chặt chẽ đến sắc tộc. Mẹ của Alexander điều khiển mọi hoạt động mà con trai cô tham gia vào để đảm bảo là cậu bé không phải “là đứa trẻ da đen duy nhất”. Mẹ của Stacey lại quan tâm đến việc các giáo viên có thể yêu cầu và mong đợi thấp hơn không vì sắc tộc của cô ta và những lo lắng về việc làm gì với người lái xe buýt của trường khi ông ta bắt các học sinh da đen phải ngồi ở cuối xe (trang 179).

Lareau nhận ra gánh nặng này của việc chăm sóc của các bà mẹ da đen: “Sự thận trọng này có nghĩa là các bậc cha mẹ da đen thuộc tầng lớp trung lưu, đặc biệt là các bà mẹ, phải đảm nhận nhiều công việc hơn là các bậc cha mẹ thuộc tầng lớp trung lưu da trắng, vì họ lo lắng về sự cân bằng sắc tộc và thiếu nhạy cảm của những đứa trẻ khác, và giới hạn sự đáp trả thích hợp với những phản ứng của con cái họ” (trang 181). Tuy nhiên, điều này được xác định là một gánh nặng thêm (“công việc thêm”), không phải là logic rõ ràng về mặt định tính của việc nuôi dạy con cái với sự hiểu biết rõ ràng về sắc tộc trong một xã hội có sự phân biệt chủng tộc. Lareau làm rõ điều này: “Tuy vậy, sắc tộc không có vẻ hình thành nên logic văn hóa thống trị của việc nuôi dạy con trong gia đình của Alexander hay trong các gia đình khác trong nghiên cứu” (trang 133). Trong phần trình bày ngắn gọn này, những phức tạp trong việc chống lại sự phân biệt chủng tộc của các bà mẹ da đen ở tầng lớp trung lưu được gộp lại trong một “bức tranh lớn” về “ưu thế dựa trên tầng lớp” của các bậc cha mẹ thuộc tầng lớp trung lưu (trang 180) và một cơ hội để tìm kiếm xem có việc nuôi nấng con cái với ý thức về sắc tộc làm thay đổi những logic về tầng lớp hay không và nó thay đổi như thế nào và ngược lại bị đánh mất.

Những tuổi thơ không bình đẳng cũng cho phép tập trung vào sự bao hàm và khác biệt để chuyển sự chú ý khỏi *các phân loại không rõ ràng*. Mặc dù có một so sánh có hệ thống với những trải nghiệm với tầng lớp trung lưu, những trải nghiệm bản thân chúng được lý thuyết hóa, mỗi so sánh trong *Những tuổi thơ không bình đẳng* được trình bày có hệ thống chỉ để giải thích sự khác biệt của những nhóm không thống trị so với nhóm thống trị. Ví dụ, tác động của sắc tộc được mô tả chi tiết hơn trong trường hợp của những người da đen, nhưng không có nhận định về lý thuyết nào được đưa ra về vai trò của sắc tộc với người da trắng. Tương tự, đối với giới, chỉ có sự khác biệt của con gái so với con trai được chỉ ra. Cơ hội để đưa ra phân tích trên khía cạnh giới về tính chất đàn ông và tính chất phụ nữ cho cả con trai và con gái, những đứa trẻ có thể rơi vào một quá trình tạo ra và tái tạo lại ưu thế về giới trong những cách thức cụ thể về tầng lớp và sắc tộc bị lãng phí hay bỏ qua.

Thay vào đó, xem xét cấu trúc của *Những tuổi thơ không bình đẳng*, trong đó câu chuyện chi tiết về một gia đình cụ thể được kể trong mỗi chương. Chỉ trong trường hợp của các gia đình da đen thì mới có phân nhóm liên quan đến sắc tộc (gọi là “vai trò của sắc tộc” cho trường hợp gia đình của Harold và Alexander và “sắc tộc: những lo âu triền miên, những sự can thiệp không liên tục” cho trường hợp gia đình của Stacey). Cấu trúc mang tính phân tích này lý thuyết hóa triệt để sắc tộc như một đặc điểm thêm vào cuộc sống của những người da đen,

như thể là da trắng không phân biệt chủng tộc và mối quan hệ của nó có ý nghĩa trong cuộc sống của các bậc cha mẹ và con cái. Tuy vậy, bản thân dữ liệu cũng chỉ ra một hướng khác, như trong ví dụ sau đây về việc đề cập đến các mức độ thay đổi của phân chia theo sắc tộc như một “thực tế cuộc sống” cho những gia đình da trắng:

Nhà của Billy Yanelli ở trong một khu toàn người da trắng, nhưng con đường phân chia ranh giới với khu vực toàn người da đen chỉ cách đó vài tòa nhà... cô giáo dạy lớp ba của cậu, cô Green là người Mỹ gốc Phi, và cả thầy giám thị của trường cũng vậy... ở nhà hầu như cậu chỉ chơi với bọn trẻ da trắng... (trang 224).

Hàm ý của sắc tộc đối với logic về văn hóa của việc nuôi dạy con của các gia đình da trắng bị giảm đi khi không xem xét làm thế nào mà nhà của Billy “chỉ cách vài tòa nhà” là đến khu vực của bọn trẻ da đen nhưng cậu bé lại “hầu như chỉ chơi với bọn trẻ da trắng”. Có sự can thiệp của cha mẹ ở đây vào việc tạo ra và duy trì những trải nghiệm phân chia ranh giới như vậy cho bọn trẻ da trắng không, và nếu có thì như thế nào?

Nếu sắc tộc được lý thuyết hóa triệt để như một quá trình giao thoa toàn diện hơn của việc thực hiện quyền lực, thì sẽ dễ dàng hơn để hỏi về những cách thức mà các mối quan hệ bị phân biệt chủng tộc cũng đang được hình thành thông qua các logic văn hóa của việc nuôi dạy con. Việc phân biệt sắc tộc và phân chia ranh giới giữa các sắc tộc được các bậc cha mẹ da trắng hiểu như thế nào và họ thành công hay thất bại trong việc chuyển tải những mong đợi về những khác biệt về địa vị và khoảng cách xã hội như thế nào đến con cái họ? Để cho phân loại không rõ ràng về người da trắng không được xem xét kỹ về khía cạnh chủng tộc khiến kết luận rằng chủng tộc “có ít tác động hơn” tầng lớp có vẻ là một kết luận hơi vội vàng, bởi vì tầng lớp chỉ là mối quan hệ được nhìn nhận là có ảnh hưởng tới mọi gia đình. Tương tự, giới cũng hiện lên trong dữ liệu rõ hơn là trong phân tích. Hãy xem câu chuyện Lareau kể về Wendy, một cô gái da trắng thuộc tầng lớp lao động. Có lẽ vì có vấn đề về học tập, Wendy kém xa các bạn về môn tập đọc, và thầy giáo phàn nàn rằng nhu cầu của Wendy không được quan tâm đầy đủ, với ngôn từ mang đậm màu sắc phân biệt chủng tộc và giới:

Wendy, tôi nghĩ,... tôi tin chắc rằng nếu Wendy là một cô bé da đen thì em đã phải được đưa vào một hoàn cảnh giáo dục đặc biệt rồi. Một học sinh lớp bốn mà không thể đọc được bài đọc của lớp một, có chuyện gì rất tồi tệ ở đây... Và

Wendy rất đáng yêu. Cô bé cười với tất cả mọi người, và tôi nghĩ bằng cách này hay cách khác, họ đã báo hại con bé khi cứ để mặc nó muốn ra sao thì ra. (trang 213)

Thầy giáo ám chỉ điều gì khi nói rằng “nếu Wendy là một cô bé da đen” thì cô bé đã được giúp đỡ? Có phải ông ta đang ám chỉ là giả định về khả năng học hành của trẻ em da trắng đã khiến người ta không thấy được nhu cầu đặc biệt của Wendy? Đây có phải là sự phân biệt chủng tộc rộng rãi trong các trường học khiến ông ta gọi sự giúp đỡ này là “những loại hình giáo dục đặc biệt” thay vì chỉ đơn giản là “giáo dục đặc biệt”? Nhận định rằng Wendy “rất đáng yêu” và “mỉm cười với tất cả mọi người” để đưa ra một hình ảnh khiến mọi người hài lòng về các cô bé da trắng ngoan ngoãn có liên quan gì ở đây? Mặc dù trường hợp của Wendy được phân tích trong cuốn sách này thông qua việc tập trung vào lớp học của cô bé, một phân tích giao thoa cũng sẽ là một câu hỏi trải nghiệm của cô bé cũng bị phân biệt chủng tộc và giới trong cấu trúc trường học như thế nào, điều này tạo ra những vấn đề để cha mẹ cô bé phải phản ứng (hay không phản ứng) lại.

Vì chúng ta có thể thấy trong dữ liệu rằng các vấn đề phân chia ranh giới và mong đợi về việc học hành nảy sinh đối với cả các gia đình da đen và da trắng, cả hai bậc cha mẹ đều phải có cách để giải quyết vấn đề chủng tộc, nhưng những cách đó không nổi lên như một “logic” hình thành quá trình nuôi dạy con cái một cách giao thoa với các logic của tầng lớp và giới. Xác định và so sánh các quá trình diễn ra mạnh mẽ như vậy, thay vì các gia đình chỉ đơn giản ở điểm giao cắt của những bất bình đẳng, sẽ có xu hướng khiến cho những phân loại không rõ ràng trở nên hữu ích hơn cho việc giải thích các cấu trúc quyền lực và những trải nghiệm về quan hệ, mà đó chính là mục đích của Lareau.

CÁC HỆ THỐNG PHỨC TẠP: CÁC CẤU TRÚC GIAO CẮT TRONG PHẨM GIÁ CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG LAO ĐỘNG

Nghiên cứu có tiêu đề *Phẩm giá của những người đàn ông lao động* của Michèle Lamont nhấn mạnh bản chất của những ranh giới tượng trưng được thiết lập về mặt xã hội trong mối quan hệ với các cấu trúc của sự bất bình đẳng, sử dụng thiết kế nghiên cứu so sánh giữa các quốc gia. Lamont đưa ra một mô tả phong phú về quan điểm rộng rãi của đàn ông thuộc tầng lớp lao động ở Mỹ và ở Pháp, đặc biệt là những cách họ thiết lập ranh giới về đạo đức để tách biệt với những người “trên” và “dưới” họ, dẫn tới những câu chuyện của những người đàn ông lao động da đen và da trắng. Vì vậy nghiên cứu này cho thấy hoàn cảnh chính trị ở cấp độ

vĩ mô trong đó những mối quan hệ này được giải thích và khiến cho việc giải quyết với mỗi giả định về văn hóa như một “chuẩn mực” để so sánh những thứ khác trở nên khó khăn hơn.

Mặc dù không đề cập đến phụ nữ, *Phẩm giá* cũng đưa ra một phân tích về giới sâu sắc tập trung vào phân loại không rõ ràng về tính chất đàn ông. Sử dụng những câu chuyện của nam giới, Lamont nghiên cứu “những khía cạnh về giới trong diễn đạt của những người lao động, đó là, liệu những khái niệm thống trị về mặt lịch sử của nam tính có ảnh hưởng đến việc họ đánh giá giá trị như thế nào không” (trang 13). Cô ấy xác định các sắc thái về giới theo cách những người đàn ông lao động tự hiểu về họ như là cao hơn những người làm những nghề “dành cho phụ nữ”, mô tả người được phỏng vấn nhìn nhận tình huống như “Tôi ở đó làm việc và họ thì đang phàn nàn rằng ‘Tôi làm trong tiệm bánh ngọt và chúng tôi phải làm sáu mẻ bánh quy ngày hôm nay’” như thế nào (trang 23). Giá trị của tính chất đàn ông mà Lamont mô tả là một phần thống nhất của nhận dạng tầng lớp cho những người đàn ông lao động và biểu hiện trong cách phân định ranh giới của họ. Lamont cũng chứng minh rằng những chuẩn mực về nam tính trong vai trò bảo vệ được những người đàn ông da trắng ở tầng lớp lao động ở Mỹ dùng để bảo vệ những hệ tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc. Vì vậy, những mô tả của chính tầng lớp và quốc gia về họ được khái niệm hóa như là được hình thành bởi giới theo một cách giao thoa mạnh mẽ và vững chắc về mặt cấu trúc.

Phân tích này không đề cập đến các giao thoa về chủng tộc. Được đặt ở các ranh giới chính về mặt lý thuyết, quốc gia và tầng lớp được coi là các đặc điểm xác định của nghiên cứu và các ảnh hưởng về mặt cấu trúc được lý giải trước. Sau đó, tất cả những khác biệt khác được xem như là những yếu tố thêm chứ không phải là liên quan chặt chẽ, giao cắt và tác động với nhau. Phân loại chủng tộc thống trị ở mỗi một quốc gia cũng được phép thực hành quyền lực theo quy chuẩn mà không bị tra xét, được lấy làm ví dụ trong cấu trúc của cuốn sách. Những giới hạn đạo đức của những người đàn ông lao động da trắng ở mỗi quốc gia được xem xét trước, và vì vậy được coi là “chuẩn mực”; sau đó là những câu chuyện của đàn ông da đen và khác biệt của họ được chỉ ra “thêm” bên cạnh những đặc điểm chung của tầng lớp và quốc gia, do những người da trắng làm đại diện. Ví dụ, một phân nhóm về “những thách thức cụ thể cho những người da đen” (trang 33) xuất hiện sau trường hợp của những người công nhân da trắng.

Điều này khiến sự phức tạp về mặt chuyển đổi của sự giao cắt giữa giới và tầng lớp thống trị cách sử dụng giới một cách ổn định, rõ ràng và cụ thể hơn trong nghiên cứu các ranh giới được phân định như thế nào. Điều này xảy ra mặc dù dạng phân biệt chủng tộc về giới trong đó sự phụ thuộc và quyền lực chứa đựng

những ý nghĩa rộng về giới và tập trung chú ý vào các mối quan hệ gia đình về giới như dấu mốc của những gì thuộc về phân biệt chủng tộc được quan tâm. Lamont chỉ ra rằng, ở Mỹ, những người đàn ông lao động da trắng tạo lập ra các ranh giới đạo đức phân biệt với người da đen, quy người da đen với sự nghèo đói và nhấn mạnh vào việc họ phụ thuộc vào phúc lợi xã hội. Ở Pháp, những người đàn ông Pháp da trắng thuộc tầng lớp lao động loại trừ những người nhập cư Bắc Phi Hồi giáo về phương diện đạo đức, viện cớ rằng văn hóa của họ không phù hợp với các giá trị văn hóa của Pháp và họ không tuân thủ đầy đủ các nội quy làm việc để loại trừ họ. Đây là những ý kiến mà chỉ có trong cách diễn đạt của những người đàn ông thuộc tầng lớp lao động này. Nhưng không có một phân tích mang tính thể chế nào về hoàn cảnh phân biệt chủng tộc cung cấp những từ ngữ để đánh giá một cách nặng nề về đạo đức này như một “môi trường” trong đó việc hình thành nam tính về mặt giới diễn ra như một “hệ thống”. Tuy nhiên, cuốn sách này đưa ra bằng chứng rằng những loại hình phân biệt chủng tộc cụ thể về giới nằm trong các mối quan hệ gia đình về mặt cấu trúc và được khuyến khích để bảo vệ những bất bình đẳng về tầng lớp về mặt chính trị.

Thứ nhất, xem xét trường hợp của Mỹ. Đưa ranh giới đạo đức đi dọc theo các hướng phân biệt chủng tộc, một lời phàn nàn của người đàn ông lao động da trắng: “Tôi nghĩ (người da đen) có ít các giá trị gia đình hơn. Nếu bạn không có một gia đình, làm sao bạn có thể có các giá trị gia đình” (trang 63). Lời nhận định của anh ta rằng người Mỹ gốc Phi “không có một gia đình” được dựa trên việc “kiểm soát những hình ảnh” của người Mỹ gốc Phi, bao gồm chế độ mẫu quyền của người da đen và việc làm mẹ đơn thân, đây là trung tâm của những tranh luận về sự can thiệp của chính phủ vào các cộng đồng da đen ít nhất là từ báo cáo của Coleman (Mayer 2008). Sự phổ biến của các gia đình có chế độ mẫu quyền, trong đó người chủ hộ là người đàn ông đi làm kiếm tiền và phụ nữ là người phụ thuộc đem lại cho ông lý lẽ về văn hóa có thể chấp nhận được để loại bỏ sự bình thường của những người da đen như một nhóm và để biện hộ cho bất bình đẳng về giới. Collins (1998) đã đưa ra chính vấn đề này, bằng cách trình bày mô hình gia đình hạt nhân theo chế độ nữ quyền lý tưởng là một hệ thống về giới được kết nối với các ý tưởng về chủng tộc và chuẩn mực về một công dân Mỹ đúng đắn như thế nào. Trong mô tả này, đàn ông không “chịu trách nhiệm” về gia đình “không có” một gia đình như thế.

Thứ hai, ghi nhớ rằng cách nói hoa mỹ về giới ngược lại được sử dụng ở Pháp bởi những người đàn ông Pháp da trắng để chống lại những người nhập cư từ Bắc Phi như thế nào, nhưng về cùng một tác động. Đạo hồi và những khía cạnh về giới của nó được đóng khung là tai tiếng trong ngôn từ cộng hưởng với những

lời lẽ trên các phương tiện thông tin của Châu Âu về văn minh và tiến bộ trong đó sự bình đẳng, chứ không phải chế độ nữ quyền, là mục tiêu của các nước thành viên EU (Roth 2008). Ở trung tâm của sự “không hòa hợp” giữa văn hóa Pháp và văn hóa Hồi giáo là chuẩn mực về nam giới Hồi giáo như những kẻ áp bức phụ nữ “của họ”. Một người đàn ông Pháp da trắng thuộc tầng lớp lao động trong *Phẩm giá* nói rằng: “Phụ nữ trong thế giới Hồi giáo không có chỗ của mình. Trong khi ở đây ở Pháp, tôi đã rửa bát” (trang 179). Trong mô tả của anh ta, đàn ông Hồi giáo bị mô tả trái ngược với đàn ông Pháp da trắng văn minh, những người chia sẻ công việc nội trợ. Khía cạnh lý thú này, trong đó bất bình đẳng giới được dùng như là một dấu hiệu sắc tộc để tái tạo bất bình đẳng chủng tộc, không được phân tích đầy đủ trong mô tả của Lamont. Tuy vậy, sự phân biệt chủng tộc về giới đó nổi bật trong dữ liệu của cô ấy, ví dụ, trong cách mà những chiếc mạng trên đường phố trong mắt của người Pháp là biểu tượng của sự áp bức trong cộng đồng Hồi giáo và vì vậy biểu tượng cho sự “xâm lược” của người nhập cư và sự sụp đổ của văn hóa của tầng lớp lao động Pháp (trang 179).

Tại sao một mặt việc làm mẹ ngoài hôn nhân, và mặt khác che mạng nên nâng lên mức hoa mỹ quen thuộc, chia sẻ và giao cắt giữa các tầng lớp trong đó sự không thích hợp của các mối quan hệ gia đình có thể bị phê phán về mặt đạo đức không phải là câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu của Lamont (nhưng hãy xem Choo 2006 về thực hành sử dụng “tình trạng lạc hậu về giới” để xác định ranh giới quốc gia). Hơn nữa, việc sử dụng khả năng sinh sản như một yếu tố đe dọa “giá trị bản thân” là một phần thống nhất của mối quan hệ giữa giới và quốc gia không được xem xét kỹ. Khả năng sinh sản của phụ nữ Hồi giáo, được cho là cao hơn gia đình của họ có thể giúp giải thích một phần, được coi như sự tấn công về thể chất tới sức khỏe của quốc gia, như người đàn ông Pháp da trắng này nói về những người nhập cư Hồi giáo: “Những kẻ ăn bám... tôi ghét tất cả bọn họ... Khi tôi đến văn phòng phúc lợi xã hội, không phải người Galois được hưởng phúc lợi. Các gia đình Pháp có mười bốn đứa con, tôi không thấy nhiều gia đình như thế. Chỉ hai hay ba con thôi. Và chúng tôi làm gãy lưng để nuôi họ.” (trang 169).

Mặc dù sự phi báng là khác nhau, khi họ kịch liệt phủ nhận việc những phụ nữ Mỹ gốc Phi hay Hồi giáo coi trọng việc làm mẹ của họ, cả đàn ông Mỹ và Pháp da trắng đều củng cố những ranh giới chủng tộc của đất nước họ về khía cạnh giới. Thông qua việc coi quốc gia là một phân nhóm không thay đổi nhưng rất quan trọng, Lamont đánh mất cơ hội quan sát xem bất bình đẳng giới và bình đẳng giới giống nhau như thế nào có thể khiến các vấn đề nhận dạng quốc gia và tầng lớp là niềm tự hào. Sự phức tạp đa tầng trong đó quốc gia, tầng lớp, giới và chủng tộc được tái tạo mạnh mẽ trong suy nghĩ về những người đàn ông da trắng

thuộc tầng lớp lao động này được bộc lộ qua dữ liệu của Lamont, nhưng các khía cạnh của nó không được kết nối với các địa danh và mức độ để thiết lập các hệ thống, như các thể chế văn hóa thường xuyên cung cấp các hình ảnh này cho đàn ông, hay những mối quan hệ mang tính cấu trúc thay đổi mà họ tìm công cụ để diễn giải.

Trong cả *Phẩm giá* và *Những lời hứa* chúng ta đều không thấy sự xuất hiện dù là thoáng qua của các cấu trúc thông tin đại chúng và chính trị có liên quan đến việc đưa những tư tưởng đó vào thực tế và nâng chúng lên từ mức độ ở cơ sở sau khi chúng bắt đầu nảy sinh. Như Lamont trình bày, những hình ảnh về nam tính được áp dụng không chỉ để đặt “những người khác” ra khỏi ranh giới đạo đức mà còn để lựa chọn những người đàn ông ở các nhóm sắc tộc khác vào “các vị trí lệ thuộc” mà ở đó họ phải vật lộn để khẳng định giá trị của bản thân như những người đàn ông. Nhưng những chuẩn mực phân biệt chủng tộc về giới đều có tác dụng như nhau trong việc tạo ra và tái tạo lại sự tự hoài nghi về sắc tộc và khởi nguồn sự phản kháng của những người đàn ông da màu.

Những tác động của sự loại trừ về đạo đức như thế đối với đàn ông da màu có thể thấy được một phần nếu chúng ta trở lại xem xét sự phân biệt chủng tộc như một quá trình, nó chỉ xuất hiện trong dữ liệu của nghiên cứu *Những lời hứa tôi có thể thực hiện*, đặc trưng đề cập tới chủng tộc và sắc tộc chỉ theo cách mô tả mà thôi. Tuy vậy, dữ liệu cho thấy sự phức tạp hơn về giao thoa giữa các thể chế. Ví dụ, Nell, một bà mẹ 35 tuổi người Mỹ gốc Phi có 3 con, nói rằng người bạn đời của cô ấy cũng là người Mỹ gốc Phi không có được công việc làm lâu bởi vì các vấn đề liên quan đến sự tôn trọng: “Một số công việc anh ấy có thể tìm được nhưng lương lại không đủ để bù cho lòng tự trọng mà anh ấy cảm thấy cần, và những công việc khác thì lại yêu cầu anh ấy phải quan hệ tốt với những khách hàng và đồng nghiệp rất khó chịu, rồi lại còn phải có một thái độ phục tùng với sếp nữa” (trang 76-77). Việc đặc biệt là đàn ông da màu gặp khó khăn để đảm bảo và giữ được việc làm có “sự tôn trọng” có ý nghĩa gì? Có lẽ đây là vấn đề “cơ chế bất bình đẳng” (Acker 2006), mà ở đó cấu trúc thị trường lao động bậc thấp có nhiều cơ hội việc làm tốt hơn cho những phụ nữ da màu không có tay nghề so với đàn ông da màu (Espiritu 2000). Đó cũng có thể là một vấn đề về phân biệt chủng tộc nam tính trong đó “thái độ phục tùng” cần có ở nơi làm việc đối với những vị trí thấp, như những việc làm của đa số người da màu, xung đột với những chuẩn mực về việc làm thế nào để “là một người đàn ông” trong xã hội Mỹ. Đối với những người da màu cũng như những người đàn ông da trắng thuộc tầng lớp lao động, những cấu trúc “loại trừ về tinh thần” rộng hơn trong nền kinh tế và trong tổ chức của các vùng tái hiện lại trong những phát ngôn của họ về giá trị và lòng tự

trọng. Một phương pháp nghiên cứu giao thoa phức tạp tìm kiếm các hệ thống đa cấp như thế và đặt họ vào các mối quan hệ quyền lực tại nơi sinh sống, theo thời gian, có thể giúp bộc lộ các quá trình có thể tạo ra và chuyển đổi những bất bình đẳng.

KẾT LUẬN

Mặc dù chúng tôi đã phê bình bốn nghiên cứu được lựa chọn, nhưng chúng tôi làm như thế không phải để phủ nhận sự đóng góp của họ mà là để khẳng định tiềm năng mà việc quan tâm nhiều hơn đến sự giao thoa phức tạp có thể đem lại về mặt phân tích. Chúng tôi đã cố gắng xem xét các mục đích nghiên cứu của chính các tác giả một cách nghiêm túc trong mỗi trường hợp, đồng thời cũng đề xuất những cách thức mà trong đó việc lý thuyết hóa chưa đầy đủ ý nghĩa của nghiên cứu giao thoa trong trường hợp của họ làm hạn chế tính thuyết phục trong phân tích của họ. Bằng việc lập biểu đồ về những gì khiến hoàn cảnh lý thuyết không được rõ ràng trong đó sự giao thoa trở thành một “tờ thông dụng”, chúng tôi đã cố gắng bổ sung những yếu tố cụ thể hữu ích hơn vào việc suy nghĩ một cách giao thoa diễn ra như thế nào và những phong cách cụ thể khác nhau nào của phân tích giao thoa có thể bổ sung cho phân tích xã hội học trong thực tế. Trong khi chúng tôi đồng cảm với nhu cầu cần đưa tiếng nói của những người bị loại khỏi nhịp điệu xã hội vào những suy nghĩ xã hội học cơ bản, chúng tôi chọn những nghiên cứu này làm bằng chứng để đưa vào các nhóm bị loại khỏi nhịp điệu xã hội đa cấp hơn là tác động đến họ về mặt giao thoa. Chúng tôi đề xuất rằng thấy được những cơ hội khó có thể chạm tới cho phân tích giao thoa thậm chí trong nghiên cứu rất thuyết phục – đặc biệt là thấy được các quá trình phân tầng không theo thứ bậc và hiểu vai trò đồng quyết định đa cấp của các quá trình phân biệt chủng tộc và phân biệt giới với những tầng lớp đó – sẽ giúp các nhà xã hội học suy nghĩ rằng công trình của họ có thể đề cập đến những thách thức này tốt hơn.

Chúng tôi đã chỉ rõ những thiếu sót cụ thể trong các nghiên cứu này, đó là những thiếu sót có thể do việc sử dụng một tiếng nói hoa mỹ, theo địa phương chứ không phải là xử lý việc hiểu về nghiên cứu giao thoa, một chiến lược so sánh các tác động chủ yếu với những tương tác “thêm”, một hiểu biết về các quá trình xã hội phân cấp rõ ràng và một trọng tâm phân tích chỉ một cấp độ. Lựa chọn về lý thuyết của riêng chúng tôi khiến chúng tôi tin rằng nếu nghiên cứu giao thoa được tiếp cận về mặt phương pháp học như một phương pháp liên hệ thay vì định vị, vì việc thay đổi các quá trình tác động tới “xu hướng chủ đạo” cũng như xác định những tương tác cho các trường hợp “đặc biệt”, và vì hàm ý một dòng kiến thức

và quyền lực qua các cấp độ tổ chức xã hội một cách tổng thể cũng đem lại lợi ích. Tuy vậy, chúng tôi cũng thấy rõ là không phải tất cả các nghiên cứu chúng tôi lựa chọn đều đã sử dụng tất cả các phong cách phân tích giao thoa khác nhau tốt như nhau. Để thiết kế nghiên cứu tận dụng được ưu thế của nghiên cứu giao thoa một cách hiệu quả nhất, các nhà nghiên cứu cần cân nhắc việc khái niệm hóa nghiên cứu giao thoa loại nào có ý nghĩa với họ và tại sao, và ít nhất cũng phải cố gắng tận dụng ưu điểm lớn nhất – và tránh những vấn đề cụ thể không ngờ tới – liên quan đến phương pháp đó. Ví dụ, nếu sự bao hàm và tiếng nói là ưu tiên hàng đầu cho một nghiên cứu cụ thể, thì vấn đề xu hướng chủ đạo chính bản thân nó được làm cho phức tạp khó hiểu đến mức nào cần phải được đặt lên hàng đầu càng được trình bày rõ ràng càng tốt. Nếu thiết kế yêu cầu phải quan tâm tới các tác động tương tác, câu hỏi về những tương tác đó trong số các phân loại không rõ ràng cần phải được làm rõ. Khi các hệ thống các quá trình tương tác được xem xét, môi trường trong đó những hệ thống này hoạt động cũng cần phải được nghiên cứu.

Nói chung, chúng tôi tin rằng sự chú ý tới những bất bình đẳng giao thoa với nhau trong các nghiên cứu trong tương lai có thể sẽ phù hợp hơn về mặt phương pháp học và hiệu quả hơn về mặt lý thuyết nếu các giả thuyết cụ thể mà các nhà nghiên cứu đưa ra về nghiên cứu giao thoa được làm rõ hơn. Chúng tôi không nói rằng thực hiện nghiên cứu cho mục đích “đem lại tiếng nói” cho các nhóm thường bị loại trừ là sai hướng, nhưng chúng tôi thực sự cho rằng xem xét những thách thức của nghiên cứu giao thoa về mặt lý thuyết sẽ hướng sự chú ý tới những lựa chọn phương pháp học có thể giúp tránh khỏi việc đặt một tiêu chuẩn không rõ ràng vào vị trí thực hiện quyền lực quy chuẩn, ví dụ, bằng cách đặt câu hỏi về các giá trị người đọc có thể quan tâm về những nhóm “khác nhau” này. Một ví dụ hữu ích cho vấn đề này có thể tìm thấy trong phân tích của Hays (2003) về những con đường khiến các sinh viên sa vào sử dụng ma túy và hoạt động tình dục bị lên án mạnh mẽ trong các thanh thiếu niên. Một dự án nghiên cứu nhằm so sánh những tác động và tương tác chính như một quá trình trong một hoàn cảnh đặc biệt cụ thể có thể nghiên cứu xem những tương tác xuất hiện trội cho các nhóm chiếm ưu thế hơn cũng như các nhóm yếu thế hơn như thế nào và những giả thiết nào về các mối quan hệ phân cấp trong các quá trình này đang được đưa ra. Một ví dụ hữu ích cho điều này có thể tìm thấy trong nghiên cứu của Roth (2004) về “những con đường tách biệt” tới thuyết nam nữ bình quyền được các phụ nữ tham gia các phong trào xã hội của những năm 1960 đưa ra, trong đó phụ nữ da trắng và các nhóm có người da trắng làm trung tâm được phân tích như là có ít sự

cụ thể về mặt sắc tộc hơn các tổ chức và các phong trào về giới của Mỹ La tinh và Mỹ Phi.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng gợi ý rằng nhiều nghiên cứu có thể thu được kết quả từ việc sử dụng một quan điểm vẫn còn phức tạp về nghiên cứu giao thoa, trong đó trọng tâm hướng vào các phản hồi giữa các quá trình ở nhiều cấp độ tạo ra những tương tác giữa chúng như những phần cố hữu của việc chúng được cấu thành như thế nào. Chúng tôi lập luận rằng sự phức tạp của các thể chế phản hồi lẫn nhau – theo cách tích cực và cả tiêu cực – có thể bị mờ đi khi các cơ chế vĩ mô của bất bình đẳng được tách khỏi các cơ chế vi mô của sự hình thành ý nghĩa về mặt xã hội. Đưa lý thuyết giao thoa vào thực tiễn cũng có thể có những dự báo về những thói quen hiện tại về lý thuyết của chúng ta với tư cách là các nhà xã hội học, liệu chúng ta lựa chọn định lượng hay định tính cho dữ liệu.

Trước tiên, dữ liệu so sánh tạo điều kiện nhưng sẽ không tự động cung cấp một phân tích về các quá trình bất bình đẳng tìm kiếm sự tương tác và nhạy cảm về hoàn cảnh. Nhấn mạnh vào những loại lý tưởng hay những mẫu quá chi tiết sẽ đi ngược lại việc nhìn nhận hay tìm kiếm sự phức tạp. Những thói quen giản hóa luận cố hữu, trên và dưới bất cứ một quan tâm nào với các vấn đề quản lý dữ liệu, thường chỉ phối phân tích dựa trên khái niệm hơn là ngược lại. Ví dụ, phân tích phương pháp khác nhau trong một mẫu thẳng chung cho rằng có những tương tác và có tác dụng ngược lại hướng tới những tác động chủ yếu đơn giản hóa hơn so với một phương pháp hồi quy bắt đầu với các tác động cơ bản và chỉ bổ sung các tương tác như những yếu tố rất cần thiết. Các nhà xã hội học, những người mong muốn sử dụng các chiến lược phân tích lấy tương tác làm trung tâm có sẵn cả các công cụ định lượng (từ EDA và HLM) và định tính (điền dã dân tộc học tại nhiều địa điểm và các chương trình mã hóa đa cấp). Hơn nữa, ngày càng có thể dựa nhiều hơn vào các chiến lược áp dụng “pha trộn các phương pháp”, chiến lược này từ chối phân biệt định tính/ định lượng và tạo điều kiện cho việc xem xét những tương tác giữa các tổ chức xã hội các cấp (Axinn và Pearce 2006).

Thứ hai, xem xét một thiết kế sẽ làm biến đổi tính chất của các mối quan hệ bá chủ có thể là một phần của chiến lược về mặt phương pháp học, đặc biệt là bằng cách thu hút sự chú ý vào những phân loại không rõ ràng nơi hội tụ của quyền lực và đặc quyền (Brekhus 1998; Staunaes 2003). Thay đổi vị trí trung tâm lý thuyết – dù là đặc tính Mỹ của “xã hội” hay đặc tính da trắng của “tầng lớp” – cũng có thể thu hút chú ý vào những trường hợp bá chủ. Tuy nhiên, như chúng ta đã thấy, phương pháp này sẽ quá hạn chế nếu nó chỉ dẫn đến việc đưa vào những nhóm bị tách biệt khác như một đối tượng nghiên cứu hơn là khái niệm hóa lại những mối quan hệ quyền lực ở trung tâm và bên lề. Các phương pháp nghiên cứu

những thứ bậc giao cắt phức tạp này đòi hỏi về mặt quan hệ nhiều hơn những hiểu biết quan trọng về cách thực hiện những phân tích và các hệ thống mạng ở đó quyền lực luân chuyển qua suốt các thể chế xã hội ở các “quy mô” khác nhau (Hancock 2004; Valentine 2007). Tính đa dạng của những tương tác này phản đối việc biến nghiên cứu giao thoa thành bất cứ một loại “chuyên môn hóa nội dung” được xác định bởi một loạt các bất bình đẳng.

Cuối cùng, các lý thuyết mô tả dẫn đến những tranh luận về việc hình thành phương hướng của nhân quả với dữ liệu theo chiều dọc nhưng không dẫn đến những mô hình động lực ưu tiên cho các tác động phản hồi và những tương tác về mặt phương pháp học. Trong khi những phản hồi tích cực và tiêu cực tồn tại giữa các mối quan hệ quyền lực và đặc quyền làm phân tầng xã hội dường như rõ ràng, giả thiết ngầm rằng sẽ có một sự phân cấp các tác động và mong muốn xác định tác động quan trọng nhất chuyển sự chú ý khỏi việc phát triển những công cụ thêm sẽ tập trung vào những tương tác giữa các cấp bậc và theo thời gian vì chính các yếu tố đó. Các phân tích động lực sẽ xem xét các cấu trúc bất bình đẳng của quốc gia và xuyên quốc gia được hình thành như thế nào trong các quá trình diễn ra ở nhiều địa điểm như giới, phân biệt chủng tộc, bóc lột lao động và sự nối tiếp các thế hệ. Sự tiến bộ trong các nghiên cứu chúng tôi tìm kiếm được thấy ít trong việc cải tiến các phương pháp trong phạm vi phân chia thông thường giữa “thử nghiệm giả thiết” định lượng hay “tìm kiếm mô hình” định tính, hơn là trong việc đem lại phân tích giao thoa rõ ràng, theo định hướng quá trình và không thống trị để nâng cao “khoa học thường thức” của những so sánh mô tả xác thực cho một trường hợp tiêu chuẩn chuẩn mực (Landry 2007).

Mặc dù chúng tôi đã cố gắng để có thể đưa ra những hàm ý về phương pháp này cụ thể và mang tính xây dựng hết mức, nhưng chúng tôi không muốn ám chỉ rằng những lựa chọn phương pháp và lý thuyết của chúng tôi nên chi phối toàn bộ lĩnh vực này. Chúng tôi biết rất rõ rằng các nhà xã hội học cũng như các thiết kế nghiên cứu của họ là đa dạng, và chúng tôi cũng thấy những lộ trình đa dạng tương tự theo sau hướng tới việc đưa ra bất cứ một phong cách nghiên cứu giao thoa của phạm vi phân tích rõ ràng hơn được sử dụng. Cuối cùng, yếu tố xã hội học tốt hơn mà chúng tôi tìm kiếm sẽ được thiết lập bởi các học giả chấp nhận thách thức về lý thuyết của nghiên cứu giao thoa như một sự khích lệ để nghiên cứu của riêng họ được thiết kế tốt hơn.

Người dịch: Nguyễn Thúy Nga

Nguồn: Sociological Theory. Published by Wiley –Blackwell for the ASA.
Practicing Intersectionality in Sociological Research: A critical Analysis of Inclusions, Interactions in the Study of Inequalities. Hae Yeon Choo and Myra Marx Ferree. pp.129-249